TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 15/02/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN **E** – T□NH THANH H□A

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn **A**
2. Bà Lưu Thị Sen.

- Th- ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện **E**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thuận - KSV.

Hôm nay ngày 15/02/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **E** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2018 về việc*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 02/01/2019 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn A –** Sinh năm 1992
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa(Nay là Thôn **F**, xã **D**).

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị B** - sinh năm 1991
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa(Nay là Thôn **F**, xã **D**).

Tại phiên tòa có mặt anh **A**, vắng mặt chị **B** không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 09/10/2018 và bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Văn **A** trình bày*:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị **B** kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 20/7/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 09 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên năm 2017

đến nay chị **B** bỏ về bên ngoại sinh sống; sau đó chị **B** quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phạm Thị **B**.

Về con chung : Anh và chị **B** có 01 con chung: cháu Phạm Tuấn **G** – Sinh ngày 16/02/2011. Hiện nay cháu đang ở cùng gia đình nhà ông bà nội ở làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Ly hôn nguyện vọng của anh xin đ- ợc trực tiếp nuôi cháu **G** và anh không yêu cầu chị **B** phải cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn chị Phạm Thị **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất nh- ý kiến của anh **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh **A** trình bày.

Nay anh **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh **A**.

Về con chung: Chị thống nhất nh- ý kiến của anh **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin nuôi cháu và không yêu cầu anh **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị thống nhất nh- ý kiến của anh **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

***** *Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cung cấp như sau*: Anh Phạm Văn **A** và chị Phạm Thị **B** kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 20/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **A** ở làng Mết, xã Vân Am, huyện **E**. Qúa trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, anh chị không báo cáo gì với địa phương. Nay anh **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326.

- Về hôn nhân: Xử cho anh **A** và chị **B** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **G** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Anh **A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ- ợc ly hôn chị **B**, chị **B** vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Phạm Thị **B** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị **B** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về hôn nhân: Anh Phạm Văn **A** và chị Phạm Thị **B** kết hôn với nhau từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Anh **A**, chị **B** cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống đã phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên năm 2017 đến nay chị **B** bỏ về bên ngoại sinh sống; sau đó chị **B** quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh **A** có yêu cầu xin ly hôn, chị **B** cũng đồng ý.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, anh **A** và chị **B** đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị **B** vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành mở phiên hòa giải được. Căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn **A**, xử cho anh Phạm Văn **A** và chị Phạm Thị **B** được ly hôn với nhau.

[3]Về con chung: Anh **A**, chị **B** có 01con chung: cháu Phạm Tuấn **G** – Sinh ngày 16/02/2011. Hiện nay hai cháu đang ở cùng gia đình nhà ông bà nội ở thôn **F**, xã **D**, huyện **E**. Ly hôn nguyện vọng của anh **A** xin đ- ợc trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị **B** phải cấp d- ỡng tiền nuôi con chung. Chị **B** cũng có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu anh **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với chị **B**, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay chị **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ chị **B** không có **C**ện chí với nguyện vọng nuôi con của mình, nên nguyện vọng của chị **B** không đủ cơ sở để chấp nhận. Như vậy, chấp nhận yêu cầu của anh **A**, giao cháu **G** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu, đảm bảo được việc sinh hoạt, học tập của cháu và quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Anh **A**, chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh **A** phải chịu án phí dân sư sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn **A** được ly hôn với chị Phạm Thị **B**.

2. Về con chung: Cháu Phạm Tuấn **G** – Sinh ngày 16/02/2011 là con chung của anh Phạm Văn **A** và chị Phạm Thị **B**. Giao cháu **G** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn **A** phải chịu 300.000đ án phí DSST nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002225 ngày 15/10/2018 của Chi cục **C** hành án dân sự huyện **E**, anh **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

*Ng□ời đ□ợc **C** hành án dân sự, ng□ời phải **C** hành án dân sự có quyền thỏa thuận **C** hành án, quyền yêu cầu **C** hành án, tự nguyện **C** hành án hoặc bị c□ỡng chế **C** hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật **C** hành án dân sự; thời hiệu **C** hành đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật **C** hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Anh **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- THA huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.